

Trong hình 4 cho thấy ảnh hưởng của chế độ phun nước ảnh hưởng lớn đến hiệu quả xử lý muối trong tháp nước. Trong trường hợp chỉ dùng nước trung hoà để xử lý muối, hiệu quả đạt được rất thấp, hiệu suất chỉ đạt cao nhất 65 %, các hạt muối có kích thước nhỏ hơn 1µm hiệu suất chỉ đạt 20 %. Khi hạt muối được nạp điện hoặc cả muối và nước cùng được nạp điện thì hiệu quả xử lý muối tăng cao rõ rệt có thể đạt tới 98%. So với số liệu thực nghiệm trong trường hợp NP-ND độ khác nhau tới 10% do hạt nước sử dụng nhiều cơ cấu để xử lý muối. Trong trường hợp CP-CD như trong hình 7 lực điện ở đây vượt trội do vậy kết quả tính toán rất sát với kết quả thực tế.

## 5. Kết luận

Hiệu suất xử lý muối của tháp nước đã được tính toán lý thuyết và được so sánh với kết quả thực nghiệm cho kết quả như sau:

- Giá trị thực nghiệm được so sánh với giá trị tính toán lý thuyết kết quả gần như nhau, sai lệch khoảng 5% trong trường hợp phun nước trung hoà, nếu cả muối và nước được nạp điện do độ vượt trội về lực điện khi xử lý muối nên các kết quả gần như trùng nhau.
- Hiệu suất xử lý muối của tháp nước có thể cao hơn 98%.
- Các hạt muối có kích thước nhỏ hơn 1 µm được xử lý với hiệu quả cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] K.S.Lim, S.H.Lee, H.S.Park., *Prediction for particle remove efficiency of a reverse jet scrubber*, J.Aerosol Science 37(2006), pp 1826-1839 Kreith, F., *Air pollution technology control handbook*, 2002.
- [2] T.H.Ha, H.Fujita, O.Nishida, W.Harano., *Collection of ultra-fine diesel in electrostatic water spraying scrubber*, Proceeding, Paames-2008, pp 785-790.
- [3] W.Litch., *Control engineering: Basic calculations for particulate collection*, 1978.

---

**Người phản biện: TS. Nguyễn Huy Hào**

---

## TẬP ĐOÀN KINH TẾ - MỘT SỐ BẤT CẬP TỪ KHUNG PHÁP LÝ BUSINESS GROUP - A NUMBER OF UNSOLVED INADEQUATE ISSUES UNDER THE LEGAL FRAMEWORK

**ThS. BÙI HƯNG NGUYỄN**  
**Khoa Kinh tế VTB, Trường ĐHHH**

### Tóm tắt

*Trên thế giới, ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, tập đoàn kinh tế đã tồn tại và phát triển như là một trong những biểu tượng cho sự lớn mạnh và thịnh vượng của quốc gia. Đối với Việt Nam, mô hình tập đoàn kinh tế mới được thử nghiệm áp dụng trong phạm vi vài năm trở lại đây. Trong quãng thời gian ngắn ngủi đó, các tập đoàn kinh tế đã ít nhiều có tiếng nói riêng của chúng trong đời sống kinh doanh. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, các quy định hiện tại về mô hình tập đoàn kinh tế phù hợp với đặc điểm của Việt Nam đã bộc lộ nhiều bất cập cần tháo gỡ. Bài báo này đưa ra quan điểm của tác giả về một số điểm còn tồn tại nêu trên và các kiến nghị với mong muốn góp phần tăng cường tính hiệu quả của tập đoàn kinh tế nói riêng cũng như sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế nói chung.*

### Abstract

*In the world, for developed market economy countries, business groups have already existed and developed as one of the symbols of their prosperity and growth. For Vietnam, the business group model has been newly tested for a few years. In that short period, the business groups have played a certain role in Vietnamese business community. Besides, legally, the existing provisions on Vietnamese-characterized business group has revealed many unsolved inadequate issues. This paper offers the author's views on a number of shortcomings and proposing in order to contribute partially to enhancing the effectiveness of business groups in particular as well as the healthy development of the Vietnamese economy in general.*

## 1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển của tập đoàn kinh tế (Business Group) đến nay đã trải qua ngót nghét một trăm năm. Thế giới đã chứng kiến các mô hình tập đoàn kinh tế được áp dụng ở các nước khác nhau, như mô hình tập đoàn kinh tế liên kết khối (Conglomerate) áp dụng ở Đức và các nước châu Âu, mô hình tập đoàn kinh tế kiểu Mỹ (Holding Corporation), mô hình Keiretsu của Nhật Bản hay các Cheabols của Hàn Quốc... Đối với các quốc gia này, mô hình tập đoàn kinh tế đã góp phần to lớn cho sự thịnh vượng trong quá khứ và hiện tại. Trong quá trình hội nhập sâu rộng về mặt kinh tế với nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam đã học hỏi, du nhập một số mô hình sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ, trong đó có mô hình tập đoàn kinh tế. Hiện tại, Chính phủ đã thí điểm thành lập nhiều tập đoàn kinh tế ở nhiều ngành lĩnh vực quan trọng khác nhau để tìm ra mô hình phù hợp với điều kiện Việt Nam, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng. Cùng với tiến trình thực thi các cam kết của tổ chức Thương mại thế giới (WTO) về lộ trình xây dựng nền kinh tế thị trường Việt Nam phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, quá trình triển khai thành lập và hoạt động của các tập đoàn kinh tế đang vấp phải một số vướng mắc dưới góc độ pháp lý rất cần lời giải.

## 2. Một số vướng mắc dưới góc độ pháp lý

### 2.1. Các văn bản dưới luật về tập đoàn kinh tế đã bị “quá tải”

Về khung pháp lý của tập đoàn kinh tế nói chung, căn cứ pháp lý cao nhất của Tập đoàn kinh tế đến thời điểm hiện nay được quy định tại chương VII về nhóm công ty tại Luật doanh nghiệp năm 2005 mà trực tiếp nhất là Điều 149 về Tập đoàn kinh tế. Trong đó luật chỉ quy định: “Tập đoàn kinh tế là nhóm công ty có quy mô lớn. Chính phủ quy định hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn kinh tế”. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định về tổ chức và hoạt động của các tập đoàn kinh tế. Do đó, khung pháp lý để tập đoàn kinh tế hoạt động được trong thực tế mới đang dừng lại ở tầm nghị định của Chính phủ. Thực trạng này có thể lý giải được vì tập đoàn kinh tế đang trong giai đoạn thử nghiệm, cần phải có quá trình thí điểm trong thực tế để rút kinh nghiệm từ đó mới quy định ở cấp độ văn bản luật để đảm bảo sự ổn định của hệ thống pháp luật. Thế nhưng, thay vì thí điểm thực hiện ở một số ngành lĩnh vực để tổng kết rút kinh nghiệm, mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước lại được thành lập ở hầu hết các ngành, lĩnh vực mang tính chất “xương sống” của nền kinh tế. Rõ ràng ở đây đang có sự bất cân xứng giữa việc áp dụng và triển khai một hoạt động kinh tế quan trọng và sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật để điều chỉnh lĩnh vực ấy. Chúng tôi cho rằng, hiện tại cấp độ nghị định đã bị “quá tải” trong việc gánh vác sứ mệnh quá lớn là việc điều chỉnh sao cho hiệu quả mô hình kinh tế tập đoàn, là mô hình kinh tế hoàn toàn lạ lẫm đối với Việt Nam. Kết quả là việc duy trì sự bất cân xứng nêu trên đang ẩn chứa nhiều rủi ro cho nền kinh tế. Chúng ta hoàn toàn không ngạc nhiên khi không ít học giả, nhà nghiên cứu có quan điểm bi quan khi đặt ra giả thiết, mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước nếu sau đó được đánh giá là không phù hợp với bối cảnh kinh tế Việt Nam không biết liệu chúng ta có cơ hội để sửa chữa và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế hay không? Bài học Tập đoàn kinh tế Vinashin với khoản nợ khổng lồ hơn 80.000 tỷ đồng đang là một minh chứng rõ nét cho khả năng có thể xảy ra rủi ro này.

### 2. Sự bất bình đẳng về khung pháp lý cho các thành phần kinh tế trong việc thành lập và điều hành các tập đoàn kinh tế

Hiện nay, hàng loạt các nghị định đã được ban hành và thực thi liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động của các tập đoàn kinh tế chỉ áp dụng đối với tập đoàn kinh tế nhà nước. Trong khi đó, đối với khu vực kinh tế tư nhân, nhu cầu thành lập tập đoàn kinh tế đã trở thành đòi hỏi bức thiết. Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân đã được thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nhưng còn thiếu khung pháp lý rõ ràng. Một trong những vấn đề mà cộng đồng doanh nghiệp rất quan tâm là cần phải có các quy định pháp luật trong đó phân biệt cụ thể tập đoàn kinh tế có đồng nghĩa với các công ty mẹ của chúng hay không? Tập đoàn Hoà Phát, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn T&T... là những ví dụ hết sức cụ thể. Thực tế tên đầy đủ của các tập đoàn này là Công ty TNHH Tập đoàn Hoà Phát, Công ty TNHH Tập đoàn T&T... và dưới chúng là các công ty con do công ty mẹ nắm quyền chi phối. Sự thiếu vắng các văn bản pháp luật về tập đoàn kinh tế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đẩy các doanh nghiệp này vào thế không chính danh về mặt pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh. Điều quan trọng hơn, các tập đoàn kinh tế tư nhân đang phải chịu đựng sự bất bình đẳng trong việc đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trong việc có được khung pháp lý thống nhất để phát triển trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh.

### 3. Sự thiếu nhất quán trong cách quan niệm về tập đoàn kinh tế nhà nước

Đối với các tập đoàn kinh tế nhà nước, mặc dù dành được sự quan tâm đặc biệt của các cơ quan nhà nước trong việc có được khung pháp lý để tổ chức và hoạt động, thế nhưng việc xác định địa vị pháp lý của chúng lại chưa được quy định thống nhất. Điều này thể hiện ở một số điểm sau đây:

Về tư cách pháp nhân, tại khoản 2, điều 2 Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ) đã khẳng định: “Tập đoàn kinh tế nhà nước là nhóm công ty có tư cách pháp nhân độc lập, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân độc lập”. Mặc dù đã được quy định rõ ràng như vậy, nhưng quá trình triển khai thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước, chuyển đổi mô hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005 đã có sự thiếu nhất quán về cấu trúc của tập đoàn kinh tế, trong đó đang tồn tại quan niệm đánh đồng giữa công ty mẹ của tập đoàn kinh tế với tập đoàn kinh tế nhà nước. Do đó, cuối cùng các tập đoàn kinh tế lại có tư cách pháp nhân. Cụ thể, tại khoản 2 điều 4 Nghị định 101/2009/NĐ-CP về Tập đoàn kinh tế nhà nước đã quy định rõ: “Tập đoàn kinh tế nhà nước bao gồm: a) Công ty mẹ (gọi tắt là doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ quyền chi phối theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; b) Công ty con của doanh nghiệp cấp I (gọi tắt là doanh nghiệp cấp II) là các doanh nghiệp do doanh nghiệp cấp I giữ quyền chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc hai thành viên trở lên, tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty liên doanh (trong trường hợp chưa đăng ký lại theo Luật Doanh nghiệp), công ty con ở nước ngoài; c) Công ty con của doanh nghiệp cấp II và các cấp tiếp theo;...”. Trong khi đó, tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong thời gian gần đây (nửa năm đầu 2010), khi chuyển đổi các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước thành các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo luật doanh nghiệp năm 2005 thì lại có quan niệm khác về tập đoàn kinh tế so với các quy định trên của Nghị định 101/2009/NĐ-CP, trong đó, hầu hết các Nghị định về chuyển đổi mô hình này đều đánh đồng giữa công ty mẹ của tập đoàn với Tập đoàn kinh tế. Ví dụ: Quyết định 984/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 về Chuyển công ty mẹ - Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Trong quyết định này, Công ty mẹ của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam sau khi chuyển đổi có tên chính là “Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam”. Tại khoản 3 điều 1 Quyết định trên còn khẳng định “Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam,...”. Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi các công ty mẹ của các Tập đoàn như: Than khoáng sản Việt Nam, Cao su Việt Nam, Sông Đà, Điện lực, Dệt may... đều tương tự như đối với trường hợp của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam như đã trình bày ở trên. Như vậy, tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế đang được hiểu là các tập đoàn kinh tế nhà nước và chúng có tư cách pháp nhân. Rõ ràng ở đây đang có sự quan niệm hoàn toàn khác nhau về mô hình kinh tế tập đoàn thể hiện bằng các quy định mâu thuẫn nhau ở các văn bản pháp luật khác nhau của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Những bất hợp lý nêu trên thể hiện sự không nhất quán, thiếu đồng bộ và phối hợp giữa các bộ, ngành chủ quản trong việc thực thi luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan cũng như cách quan niệm về mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước.

Về mô hình quản trị tập đoàn kinh tế nhà nước, hiện cũng còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng. Công ty mẹ (doanh nghiệp cấp I) theo quy định tại Nghị định 101/2009/NĐ-CP là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ quyền chi phối. Nghị định không nói rõ công ty mẹ là loại hình doanh nghiệp gì. Tuy nhiên chiếu theo cách phân loại về doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005 thì có thể khẳng định đây là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu chính là nhà nước. Thế nhưng tại điều 20 Nghị định 101 lại quy định: “Công ty mẹ có Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát...”. Sự lai tạp này làm cho người ta liên hệ đến mô hình quản trị của công ty cổ phần. Có lẽ dụng ý của nhà làm luật muốn áp dụng mô hình quản trị của công ty cổ phần cho công ty mẹ với lý do là công ty mẹ quản lý, điều hành số lượng lớn các doanh nghiệp thành viên với số vốn rất lớn nên cần có mô hình quản trị giống công ty cổ phần. Trong khi đó, các công ty con, cháu trong tập đoàn (doanh nghiệp cấp II và các cấp tiếp theo) hoàn toàn không phải là các cổ đông và vốn của công ty mẹ cũng không được chia

thành các cổ phần nên việc tạo ra mô hình quản trị trên chỉ mang ý nghĩa về mặt quản lý nhà nước đối với các chức danh lãnh đạo hơn là để quản trị doanh nghiệp. Khác với quy định tại Nghị định 101/2009/NĐ-CP, tại khoản 1 điều 19 Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về Về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực đối với các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước lại quy định Áp dụng mô hình và cơ cấu tổ chức quản lý công ty, trong đó “Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ được chuyển đổi từ tổng công ty nhà nước có cơ cấu tổ chức gồm Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các Kiểm soát viên”. Trong khi đó, đến thời điểm hiện tại thì Nghị định 101/2009/NĐ-CP vẫn đang có giá trị pháp lý. Với căn cứ pháp lý là Nghị định 25/2010/NĐ-CP, hàng loạt các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi các công ty mẹ các tập đoàn kinh tế nhà nước thành các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu quy định các chức danh lãnh đạo như: Chủ tịch Tập đoàn, các thành viên Hội đồng quản trị là Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên của các tập đoàn. Trong khi đó, chưa hề có một văn bản quy phạm pháp luật nào bãi bỏ giá trị pháp lý của Nghị định 101/2009/NĐ-CP.

### 3. Một số giải pháp kiến nghị

Để khắc phục một số bất cập trên đây, chúng tôi đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nhanh chóng có cơ chế kiểm tra, giám sát và tổng kết quá trình thí điểm thực hiện mô hình tập đoàn kinh tế, từ đó đưa ra kiến giải hợp lý và thống nhất về mô hình kinh tế này. Từ những bài học rút ra ở trên, chúng ta phải nhanh chóng thiết lập được khung pháp lý đồng bộ thể hiện quan niệm thống nhất về tập đoàn kinh tế bằng việc nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao và ổn định hơn so với cấp độ nghị định. Nếu cần có thể sửa đổi Luật doanh nghiệp năm 2005, trong đó có quy định cụ thể về địa vị pháp lý của tập đoàn kinh tế để có được một văn bản luật về doanh nghiệp thống nhất nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế khác nhau về việc thành lập và vận hành các mô hình kinh doanh dưới dạng các tập đoàn kinh tế. Vấn đề này không thể tiến hành chậm trễ vì hiện tại mô hình tập đoàn kinh tế đã được triển khai ở hầu hết các ngành, lĩnh vực trọng yếu của quốc gia nên phải có cơ chế pháp lý đủ mạnh thì mới mong nâng cao được hiệu quả quản lý các tập đoàn và qua đó góp phần hạn chế các rủi ro cho nền kinh tế quốc dân cũng như tạo điều kiện về khuôn khổ pháp luật cho các tập đoàn hoạt động hiệu quả và linh hoạt hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Võ Văn Kiệt: *Thận trọng với việc thành lập các tập đoàn kinh tế*, <http://tuoitre.vn/Kinh-te/212356/Than-trong-voi-viec-thanh-lap-cac-tap-doan-kinh-te.html>.
- [2] Luật doanh nghiệp - 2005.
- [3] Nghị định 101/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước.
- [4] Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về Về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- [5] Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- [6] Phạm Duy Nghĩa: *Chuyên khảo Luật kinh tế (Chương trình sau đại học)*, NXB ĐHQGHN – 2004.
- [7] Trần Trọng Thúc: *Con đẻ, con nuôi, con lai*, <http://tuanvietnam.net/2010-07-16-con-de-con-nuoi-con-lai->.

---

**Phản biện: ThS. Trương Thế Hình**